TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN CHỦNG HẢI QUÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 14-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN CHỦNG HẢI QUÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: 2// Phạm Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm quân nhân:

1// Cao Tiến Dũng.

1// Đinh Văn Tứ.

- Thư ký phiên toà*:* 3/ Trần Đoàn Thanh Thịnh - Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân chủng Hải quân

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 2 Quân chủng Hải quân tham gia phiên toà: 1// Dương Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Quân chủng Hải quân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Trường G, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1989 tại: Tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Phạm Tuyết N; có vợ là Nguyễn Thị D và có 03 con (con lớn nhất 10 tuổi, con nhỏ nhất 2 tuổi); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương kết án về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, được xóa án tích ngày 04/12/2023; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại:

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2 (Công ty T2); địa chỉ: Số C đường B, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Nguyễn Văn O, sinh ngày 05/8/1976; nơi cư trú: 144/8 Khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

- Những người làm chứng:

1. Ông Lê Quốc D1; vắng mặt.

2. Ông Đặng Văn L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Trường G là nhân viên lái xe cẩu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ (Công ty Đ) đang thi công công trình trong khuôn viên doanh trại d175. Khoảng 13 giờ 00 ngày 08/8/2024 lợi dụng việc cẩu các bó giàn giáo theo kế hoạch công ty lên xe và chuyển xuống sà lan chở đến bãi vật liệu xây dựng Phương V tại thị trấn N huyện N, tỉnh Cà Mau, Trần Trường G đã điều khiển xe ô tô cẩu BKS 43H-006.59 cẩu 09 cây thép loại V50, 02 cây thép loại V75 lên thùng xe và để chung với 04 cục sắt dùng để kẹp kèo thi công đã để sẵn trên xe ô tô cẩu. Sau khi cẩu xong các giàn giáo lên đầy thùng xe, G điều khiển xe ô tô xuống sà lan. Đậu ô tô xuống sà lan xong, G nói với người điều khiển tàu kéo sà lan "anh chạy trước, em chạy theo sau". Sau đó, G lấy vỏ lãi (ghe hoặc vỏ máy) đã chuẩn bị từ trước điều khiển chạy theo, đến đoạn sông gần chợ C, huyện N, tỉnh Cà Mau, G cho vỏ lãi cặp vào mạn bên trái, buộc vào trụ của sà lan, sau đó lên sà lan rồi lên xe ô tô cẩu, một mình dùng tay chuyển số thép đã lấy tại công trường, 04 cục sắt và vật dụng khác trên xe ô tô xuống vỏ lãi. Sau đó, G điều khiển vỏ lãi cập vào mé sông và buộc vỏ lãi trước ngôi nhà không có người thuộc Ấp A xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau. Sau khi cất giấu vỏ lãi xong G gọi điện thoại nhờ Nguyễn Thành N1 đến chở về bãi vật liệu Phương V để làm tiếp nhiệm vụ được công ty giao. Đến khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày, khi G quay về chỗ đậu vỏ lãi thì được công an xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau đưa về trụ sở làm việc vì liên quan đến các tài sản để trên vỏ lãi của G.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Bị cáo là nhân viên lái xe cẩu cho công ty Đ làm việc tại công trường doanh trại thuộc d175 từ khoảng tháng 11/2023. Bị cáo được giao xe ô tô BKS 43H-006.59 để vận chuyển vật liệu cho thi công công trình. Đầu tháng 7/2024 bị cáo được phân công cẩu một số cây thép còn thừa đến bãi tập kết vật liệu của công ty, lúc này tôi đã có ý định lấy một số cây thép ở đây về sửa nhà của mình. Đến ngày 07/8/2024 bị cáo được giao nhiệm vụ cẩu các giàn giáo ở bãi tập kết vật liệu xây dựng xuống sà lan để đưa ra bãi vật liệu xây dựng Phương V. Thấy đây là cơ hội mình có thể lấy được một số cây thép mang về nhà. Bị cáo không bàn bạc, trao đổi và rủ rê ai mà một mình thực hiện hành vi lấy trộm các các tài sản trong vụ án. Chiều ngày 07/8/2024 bị cáo đã mượn chiếc vỏ lãi từ cha mẹ bị cáo. Ngày 08/8/2024 bị cáo dùng vỏ lãi đi làm tại công ty bình thường, đến khoảng 13 giờ 00 lợi dụng việc vận chuyển giàn giáo này, bị cáo đã một mình thực hiện hành vi lấy trộm 09 cây thép loại V50, 02 cây thép loại V75 và 04 cục sắt dùng để kẹp kèo thi công để trên vỏ lãi. Chiếc vỏ lãi mà bị cáo dùng là của cha mẹ ruột bị cáo, cha mẹ của bị cáo không biết việc bị cáo dùng chiếc vỏ lãi này vào chở số sắt thép trên.

Bị hại Công ty T2 thể hiện trong hồ sơ vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt có nội dung: 09 cây thép loại V50, 02 cây thép loại V75 trong vụ án là tài sản của Công ty T2. Số tài sản này Công ty đã thu hồi được, Công ty không thiệt hại gì và không yêu cầu bị cáo G phải bồi thường và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Trần Trường G.

Bị hại Nguyễn Văn O có lời khai tại Cơ quan Điều tra và trong đơn đề nghị vắng mặt thể hiện: Để thi công bảo đảm an toàn tôi đã bỏ tiền cá nhân để gia công 04 cục sắt kẹp dùng để kẹp cây thép khi cẩu thi công công trình. 04 cục sắt kẹp kèo này tôi để trên thùng xe ô tô cẩu BKS43H-006.59 của công ty Đ giao cho Trần Trường G là lái xe. Trong vụ việc, tôi đã nhận đầy đủ 04 cục sắt kẹp kèo này, tôi không ảnh hưởng, thiệt hại gì, tôi không yêu cầu G phải bồi thường, khắc phục thiệt hại gì. Tôi đề nghị cơ quan chức năng xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho Trần Trường G.

Người làm chứng Lê Quốc D1 khai tại Cơ quan Điều tra có nội dung: Tôi là Chỉ huy trưởng công trình của chi nhánh Công ty T2 đang xây dựng doanh trại Lữ đoàn 175 Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân. Công ty chúng tôi đã nhập các loại cây thép trong đó có V75, V50 với kích thước khác nhau để Công ty H sử dụng vào thi công công trình. Ngày 03/7/2024, anh Nguyễn Văn O có nói với tôi cho để một số cây thép loại V75, V50 sau khi tháo, lắp ở công trình còn thừa ở bãi tập kết vật liệu xây dựng của công ty Đ và tôi đồng ý. Số lượng 02 cây thép V75, 09 cây thép loại V50 mà Trần Trường G trộm cắp trong vụ án này là tài sản Công ty T2.

Người làm chứng Đặng Văn L khai tại cơ quan Điều tra có nội dung: Xe ô tô cẩu BKS 43H-006.59 là tài sản của công ty Đ, công ty giao xe trên cho anh Trần Trường G quản lý và sử dụng tại công trường. Ngày 08/8/2024, tôi phân công anh G điều khiển xe ô tô BKS 43H-006.59 cẩu và chở giàn giáo từ bãi tập kết vật liệu của công ty trong khuôn viên Lữ đoàn 175 xuống sà lan để kéo về bãi tập kết vật liệu Phương V. Tôi hoàn toàn không biết G lấy các tài sản trong vụ án này của công trường như thế nào và thời gian nào. Khoảng 13 giờ 00 ngày 08/8/2024 tôi đi ra bến cảng ở ngoài cổng Lữ đoàn 175 để đón sà lan, lúc này, anh G tiến hành cẩu giàn giáo lên thùng xe, đến khoảng 14 giờ 00 thì anh G thực hiện xong, sau đó anh G điều khiển xe ô tô cẩu BKS 43H-006.59 lên sà lan, xong tôi về lán trại của công trường.

Biên bản về việc phát hiện phương tiện vỏ máy thủy không có người quản lý tại ấp B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau do Công an xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau lập lúc 20 giờ 10 ngày 08/8/2024 ghi nhận: Tại khu vực gần xóm M thuộc ấp B, xã H, N, Cà Mau phát hiện 01 phương tiện vỏ composite, 01 máy nổ hiệu Vanguard được kéo ½ thân vỏ trước trên mé sông, ½ thân vỏ sau còn nằm dưới nước không có người quản lý trông coi. Kiểm tra đồ vật trên phương tiện có những vật dụng như sau: 11 cây sắt V; 01 sắt V khoảng 1,5m; 20 đoạn sắt dài ngắn khác nhau; 01 cây chữ U; 01 bánh mâm xe ô tô; một số đồ phế liệu khác.

Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra sự việc do Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 3 Quân chủng Hải quân lập lúc 14 giờ 35 phút ngày 21/8/2024, xác định: Nơi xảy ra vụ trộm cắp thuộc bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty Đ trong khuôn viên doanh trại d175, địa chỉ ấp A, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 23/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận về giá trị tài sản như sau: Thời điểm định giá là 08/8/2024: 09 cây thép loại V50 (*kích thước: 7000mm x 5mm*), tổng trọng lượng 214,2 kg, trị giá 3.472.781 đồng; 02 cây thép loại V75 (*kích thước 7300mm x 6mm)*, tổng trọng lượng 92kg, trị giá 1.491.577 đồng; 04 cục sắt *(loại thép lá dày 10mm, dùng để kẹp kèo thi công)*, tổng trọng lượng 30kg, trị giá 175.500 đồng. Tổng giá trị các đồ vật trên là: 5.139.858 đồng.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS2 ngày 09 tháng 12 năm 2024, Viện kiểm sát quân sự khu vực 2 Quân chủng Hải quân đã truy tố bị cáo Trần Trường G về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung, quyết định truy tố đối với Trần Trường G. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Trường G phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Trường G từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Các bị hại trong vụ án xác định không bị thiệt hại. Không có ai yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 3 Quân chủng Hải quân đã trả lại 09 cây thép loại V50, 02 cây thép loại V75 cho Công ty T2; 04 cục sắt cho ông Nguyễn Văn O; 20 đoạn sắt khác nhau, 01 cây sắt loại chữ U, 01 cây thép loại V50 cho Trần Trường G; 01 mâm bánh xe ô tô bằng sắt cho anh Lâm Văn T1; 01 vỏ lãi gồm: 01 vỏ máy, 01 máy nổ cho ông Trần Văn T và bà Phạm Tuyết N; 01 xe ôtô tải có cần cẩu BKS 43H-006.59 cho Công ty Đ theo quy định.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với nội dung luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo Trần Trường G thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có điều kiện sửa chữa khắc phục sai phạm trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 3 Quân chủng Hải quân, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực 2 Quân chủng Hải quân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Trường G khai nhận hành vi phạm tội của mình, như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 08/8/2024, tại bãi tập kết trong khuông viên doanh trại d175, bị cáo Trần Trường G đã có hành vi lén lút chiếm đoạt các tài sản gồm 09 cây thép loại V50 (kích thước 7000mm x 5mm, tổng trọng lượng 214,2 kg), 02 cây thép loại V75 (kích thước 7300mm x 6mm, tổng trọng lượng 92kg) của Công ty T2 và 04 cục sắt dùng để kẹp kèo thi công (loại thép lá dày 10mm hàn lại thành khối có kích thước 200mm x 170mm x 150mm, tổng trọng lượng 30kg) của ông Nguyễn Văn O, có tổng giá trị tài sản là: 5.139.858 đồng. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Trường G phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh, an toàn, trật tự, kỷ cương tại doanh trại đơn vị quân đội và địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi của bất kỳ người nào xâm hại đến đều bị pháp luật xử phạt nghiêm minh. Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do ý thức coi thường pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã bị kết án 01 lần và đã được xóa án tích. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã gây ra. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị hại có đề nghị xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, hậu quả của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để có đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục người khác có ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Xét hoàn cảnh gia đình, tính chất của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Các bị hại trong vụ án không bị thiệt hại, không có ai yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 3 Quân chủng Hải quân đã trả lại cho Công ty T2: 02 cây thép loại V75, 09 cây thép loại V50; trả lại cho ông Nguyễn Văn O: 04 cục sắt; trả lại cho Trần Trường G: 20 đoạn sắt khác nhau, 01 cây sắt loại chữ U, 01 cây thép loại V50 là những vật đã qua sử dụng; trả lại cho Lâm Văn T1: 01 mâm bánh xe ô tô bằng sắt; trả lại cho ông Trần Văn T và bà Phạm Tuyết N: 01 vỏ lãi gồm: 01 vỏ máy, 01 máy nổ; trả lại cho Công ty Đ: 01 xe ôtô tải có cần cẩu BKS 43H-006.59. Việc trả lại các đồ vật trên là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Trường G phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Trường G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Trường G 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Trần Trường G phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/01/2025) đối với bị cáo; đối với các bị hại vắng mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân chủng Hải quân./.

Nơi nhận:
- TAQSTW;
- TAQSQCHQ;
- VKSQSQCHQ;
- Phòng THAQCHQ;
- CQTHAHS Quân khu 9;
- VKSQSKV2 QCHQ;
- CQĐTHSKV3 HQ;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu THAHS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

2// Phạm Thị Thanh Thủy